

Mã số: 308

Ngày nhận: 27/08/2016

Ngày gửi phản biện lần 1: 13/9/2016

Ngày gửi phản biện lần 2:

Ngày hoàn thành biên tập: 23/9/2016

Ngày duyệt đăng: 26/9/2016

BÌNH LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG GIA CÔNG THEO BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

Đào Xuân Thủy¹

Tóm tắt

Hợp đồng gia công là một loại hợp đồng thông dụng được quy định tại mục 11, chương XVI Bộ luật Dân sự năm 2015, gồm 12 điều từ điều 542 đến điều 553. Các điều khoản này quy định về khái niệm, đối tượng của hợp đồng gia công và các quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng gia công. Trong nội dung bài viết này, tác giả sẽ tập trung trình bày những điểm mới về hợp đồng gia công trong Bộ luật Dân sự năm 2015 so với Bộ luật Dân sự năm 2005, qua đó đề cập một số vấn đề còn tồn tại của quy định về hợp đồng gia công.

Từ khóa: gia công, hợp đồng gia công, bên đặt gia công, bên nhận gia công, đối tượng gia công.

Abstract:

Processing contracts is a common type of contract specified in Section 11, Chapter XVI of the 2015 Civil Code, including 12 articles from Article 542 to Article 553. These articles provide concepts, subject of processing contracts and rights, obligations of parties in processing contracts. In this paper, the author will focus on presenting new provisions on processing contracts in the 2015 Civil Code in comparison with the 2005 Civil Code, and mention a number of remaining issues.

¹ ThS Trường Đại học Ngoại thương

Keywords: *processing, processing contracts, ordering party, processor, processing subject.*

Hoạt động gia công đã xuất hiện từ rất sớm trong xã hội loài người và ngày một phát triển, khi mà các sản phẩm, hàng hóa có sẵn có thể được thay thế bởi những sản phẩm đặc thù với kiểu dáng, màu sắc, tính năng theo yêu cầu của người sử dụng. Nhu cầu về sản phẩm ngày càng đa dạng và phức tạp đã thúc đẩy hoạt động gia công phát triển và cùng theo đó là số lượng các hợp đồng gia công cũng ngày càng tăng. Khi đó, chế định về hợp đồng gia công đã tạo cơ sở pháp lý điều chỉnh mối quan hệ giữa các bên trong hoạt động gia công.

Hợp đồng gia công được hiểu thông thường là việc một bên (gọi là bên nhận gia công) nhận làm những sản phẩm, hàng hóa theo mẫu, theo yêu cầu, chỉ dẫn của một bên (gọi là bên đặt gia công) và giao sản phẩm khi kết thúc quá trình gia công đồng thời nhận được thanh toán một khoản tiền. Bên đặt gia công có thể cung cấp một phần hoặc toàn bộ nguyên vật liệu và chỉ dẫn cho bên nhận gia công để tạo ra những sản phẩm theo mong muốn của mình. Ở Việt Nam, chế định hợp đồng gia công xuất hiện từ rất sớm ngay trong Bộ luật Dân sự đầu tiên năm 1995 với 12 điều quy định những vấn đề cơ bản về hợp đồng gia công như về khái niệm, đối tượng, quyền và nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm chịu rủi ro, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Những quy định này tạo cơ sở pháp lý ban đầu cho hoạt động gia công phát triển và dần dần được sửa đổi hoàn thiện qua các năm. Trong Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS 2015), quy định về hợp đồng gia công cũng được thể hiện trong 12 điều, từ điều 542 đến điều 553. Những quy định này phần nào đã đáp ứng được nhu cầu thực tiễn khi có một số sửa đổi về nội dung và hình thức.

Bài viết này trước hết nêu lên cách hiểu về hợp đồng gia công (1), rồi sau đó đi vào phân tích những nội dung mới trong Bộ luật Dân sự năm 2015 về hợp đồng gia công và đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại trong Bộ luật này (2).

1. Khái niệm và đặc điểm hợp đồng gia công

1.1. Khái niệm hợp đồng gia công

Hợp đồng gia công là công cụ để phản ánh ý chí của bên đặt gia công và bên nhận gia công trong việc thiết lập mối quan hệ pháp lý. Mối quan hệ này hết sức phổ biến trong đời sống xã hội và thuật ngữ “gia công” cũng được sử dụng nhiều trong thực tế. Tuy nhiên, trong văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp đối với hợp đồng gia

công trong đời sống dân sự là Bộ luật Dân sự năm 1995, 2005, 2015 và các văn bản hướng dẫn Bộ luật Dân sự đều không đề cập đến khái niệm “gia công”. Vì thế, khái niệm “gia công” trong quan hệ dân sự có thể được hiểu thông qua khái niệm gia công trong hoạt động thương mại khi xác định các yếu tố đặc trưng và bản chất của hoạt động này. Cụ thể, theo Điều 128 Luật Thương mại năm 1997, gia công là hành vi thương mại, theo đó bên nhận gia công thực hiện việc gia công hàng hoá theo yêu cầu, bằng nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để hưởng tiền gia công; bên đặt gia công nhận hàng hoá đã gia công để kinh doanh thương mại và phải trả tiền gia công cho bên nhận gia công. Đến Luật Thương mại năm 2005, khái niệm này được đưa ra ngắn gọn hơn: “Gia công trong thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên nhận gia công sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất theo yêu cầu của bên đặt gia công để hưởng thù lao gọi là phí gia công”². Như vậy, từ các quy định trên có thể hiểu gia công là việc một bên (gọi là bên nhận gia công) nhận nguyên vật liệu của một bên khác (gọi là bên đặt gia công) để thực hiện những hành vi cụ thể theo yêu cầu và chỉ dẫn của bên đặt gia công đồng thời được nhận thù lao tương ứng gọi là phí gia công.

Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự Việt Nam các năm 1995, 2005 hay 2015 đều không đưa ra khái niệm “gia công” mà đưa ra khái niệm “hợp đồng gia công”. Hợp đồng gia công là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên nhận gia công thực hiện công việc để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công, bên đặt gia công nhận sản phẩm và trả tiền công³. Bên cạnh yếu tố thỏa thuận thống nhất ý chí giữa các bên, khái niệm này nhấn mạnh đến yếu tố chủ thể, đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của các chủ thể. Chủ thể bao gồm bên đặt gia công và bên nhận gia công. Bên đặt gia công là bên có mong muốn đối với sản phẩm theo những yêu cầu riêng của mình, họ có thể cung cấp nguyên vật liệu một phần hoặc toàn bộ và sẵn sàng trả tiền để nhận được sản phẩm đó. Bên nhận gia công là bên có trình độ, kỹ năng để tạo ra những sản phẩm theo yêu cầu để từ đó được nhận tiền công. Khoản tiền công từ bên đặt gia công chính là khoản đền bù cho việc gia công sản phẩm của bên nhận gia công. Kết quả của quá trình gia công là sản phẩm vật chất hữu hình, vật được xác định theo mẫu. Trong dân sự, sản phẩm

² Điều 180 Luật Thương mại năm 2005

³ Điều 542 Bộ luật dân sự năm 2015

này thường có hình thái tồn tại hoàn chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nào đó của người tiêu dùng. Tuy nhiên, trong kinh doanh thương mại, hoạt động gia công có thể tách thành nhiều khâu hình thành việc gia công chuyên tiếp nên sản phẩm gia công có thể chưa hoàn chỉnh mà mới chỉ đáp ứng được những yêu cầu nhất định cũng được coi là hoàn thành.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, bên nhận gia công cũng tạo ra sản phẩm, cũng thực hiện công việc theo yêu cầu của bên đặt gia công và vì thế mang những đặc điểm của cả hợp đồng mua bán và hợp đồng dịch vụ nên còn gây ra nhầm lẫn về bản chất của hợp đồng này với các loại hợp đồng khác. Việc phân tích đặc điểm của hợp đồng gia công dưới đây sẽ làm rõ bản chất của loại hợp đồng này.

1.2. Đặc điểm của hợp đồng gia công

Bên cạnh việc mang đầy đủ những đặc điểm chung của hợp đồng thông thường, và với ý nghĩa là một loại hợp đồng thông dụng trong đời sống dân sự nói chung cũng như trong hoạt động kinh doanh thương mại nói riêng, hợp đồng gia công còn mang những đặc điểm riêng có như:

- Về bản chất:

Hợp đồng gia công không phải là hợp đồng mua bán hàng hóa mặc dù cũng có thể có trao đổi các sản phẩm, nguyên liệu cấu thành nhưng đó không phải là giao dịch cốt lõi. Bản thân việc nhận sản phẩm sau quá trình gia công cũng không được coi là giao dịch mua bán khi sản phẩm chuyển giao không phải hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của bên nhận gia công. Tùy vào mức độ đóng góp nguyên vật liệu cấu thành và giá trị gia tăng trong sản phẩm mới có thể xác định được phần sở hữu đối với sản phẩm làm ra của mỗi bên và từ đó quyết định phí gia công là cao hay là thấp. Nếu như bên nhận gia công đóng góp càng nhiều nguyên vật liệu và càng thực hiện nhiều hoạt động tạo ra nhiều giá trị gia tăng thì phí gia công sẽ càng cao và ngược lại. Thông thường, phí gia công được trả chủ yếu là do việc thực hiện những hoạt động cụ thể theo chỉ dẫn, yêu cầu của bên đặt gia công làm gia tăng giá trị của sản phẩm nên về mặt tính chất, hoạt động gia công gần với hoạt động cung ứng dịch vụ. Biểu hiện của hoạt động gia công trong thương mại hết sức đa dạng như sản xuất, chế biến, chế tác, sửa chữa, tái chế, lắp ráp, đóng gói...

- Về tính chất:

Hợp đồng gia công là hợp đồng song vụ và có đền bù. Trong hợp đồng gia công, tính chất song vụ được thể hiện trong việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa bên đặt gia công và bên nhận gia công. Mỗi bên chủ thể đều vừa có quyền lợi vừa có nghĩa vụ dân sự đối ứng. Tuy nhiên, quyền và nghĩa vụ đối ứng trong hợp đồng gia công cũng có những điểm khác biệt so với các loại hợp đồng khác. Cụ thể, bên nhận gia công vừa có thể có quyền yêu cầu bên đặt gia công phải chuyển cho mình các nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn về số lượng, chất lượng, chủng loại, tính đồng bộ, vừa có thể có nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu phù hợp. Và ngược lại, bên đặt gia công vừa có thể có nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu, vừa có thể có quyền yêu cầu bên nhận gia công cung cấp nguyên vật liệu. Quyền và nghĩa vụ của các bên đối với việc cung cấp nguyên vật liệu phụ thuộc vào mức độ đóng góp của các bên theo hợp đồng quy định.

Bên nhận gia công có nghĩa vụ giao sản phẩm hoàn thành và bên đặt gia công có nghĩa vụ thanh toán nhưng nghĩa vụ thanh toán ở đây không phải là thanh toán cho toàn bộ giá trị sản phẩm hoàn thành mà thanh toán cho phần nguyên vật liệu bên nhận gia công cung cấp và chuỗi hành vi tạo ra giá trị gia tăng kết tinh trong sản phẩm. Vì vậy, phí gia công và giá thành sản phẩm là khác nhau. Về tính đền bù, bên đặt gia công phải trả tiền công cho bên nhận gia công khi họ làm ra một sản phẩm theo yêu cầu. Cần lưu ý, khoản đền bù này có thể bao gồm hoặc không bao gồm chi phí nguyên vật liệu trong đó vì tùy thuộc vào việc bên đặt gia công cung cấp một phần hay toàn bộ nguyên vật liệu. Như vậy, có thể bóc tách tiền công thành hai bộ phận, một phần là tiền nguyên vật liệu mà chính bên nhận gia công bỏ ra và một phần khác là tiền công gia sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công.

- Về đối tượng:

Theo quan điểm của tác giả, đối tượng của hợp đồng gia công là vật được xác định theo yêu cầu, xác định theo mẫu, theo tiêu chuẩn do các bên thảo thuận hoặc do pháp luật có quy định trước. Vật mẫu hay tiêu chuẩn của vật gia công chỉ được hiện thực hóa (vật chất hóa) sau khi bên nhận gia công đã hoàn thành công việc gia công. Sản phẩm được gia công có thể là hoàn chỉnh hay chưa hoàn chỉnh phụ thuộc vào hình thức gia công là gia công chi tiết hay gia công sản phẩm hoàn chỉnh. Thông thường, sản phẩm được gia công theo mẫu sản phẩm. Mẫu này do các bên thỏa thuận nhưng về nguyên tắc không được trái pháp luật và đạo đức xã hội. Nhiều trường hợp, sản phẩm tạo ra theo sự mô tả, chỉ dẫn của bên đặt gia công. Khi đó, sản phẩm gia công thường

được định hình thông qua các tiêu chí về số lượng, chất lượng, kích thước, màu sắc, quy cách đóng gói... và vì thế đòi hỏi bên nhận gia công phải có những kỹ năng chuyên môn chuyên biệt đối với từng loại sản phẩm. Tóm lại, đối tượng của hợp đồng gia công không phải là vật sẵn có của bên nhận gia công, vật tạo ra do sự quyết định tuyệt đối của bên nhận gia công mà là vật hoàn thành theo yêu cầu, chỉ dẫn của bên đặt gia công. Đối tượng này có thể là sản phẩm hoàn chỉnh hoặc sản phẩm chưa hoàn chỉnh.

2. Một số quy định mới về hợp đồng gia công trong Bộ luật Dân sự năm 2015

Về cơ bản, những quy định về hợp đồng gia công trong Bộ luật Dân sự năm 2015 không có nhiều sửa đổi so với Bộ luật Dân sự năm 2005. Số lượng các điều khoản quy định về hợp đồng gia công vẫn tương ứng là 12 điều và không có sửa đổi, bổ sung đặc biệt lớn về nội dung các điều khoản. Việc này thể hiện sự kế thừa tốt các quy định trước đây nhưng đồng thời cũng thể hiện những vấn đề còn tồn tại chưa được giải quyết. Khi điễm qua lần lượt các điều khoản về hợp đồng gia công trong Bộ luật Dân sự năm 2015, tác giả nhận thấy những sửa đổi như sau:

Thứ nhất, quy định về nghĩa vụ của bên đặt gia công. Nghĩa vụ chỉ dẫn và nghĩa vụ trả tiền công của bên đặt gia công giữ nguyên như quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 nhưng nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu đã có sự sửa đổi. Theo khoản 1 điều 549 Bộ luật Dân sự năm 2005, bên đặt gia công có nghĩa vụ “cung cấp nguyên vật liệu theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm cho bên nhận gia công, **trừ trường hợp có thỏa thuận khác**; cung cấp các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc gia công”. Trong khi đó, theo khoản 1 điều 544 Bộ luật dân sự năm 2015, bên đặt gia công có nghĩa vụ “cung cấp nguyên vật liệu theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm **đã thỏa thuận** cho bên nhận gia công; cung cấp giấy tờ cần thiết liên quan đến việc gia công”. Như vậy, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã thay thế cụm từ “**đã thỏa thuận**” thay cho cụm từ “**trừ trường hợp có thỏa thuận khác**”. Sự thay thế này dường như làm cho việc diễn đạt đơn giản hơn nhưng đồng thời cũng thay đổi nghĩa vụ của bên đặt gia công trong những trường hợp nhất định. Theo đó, trong Bộ luật Dân sự năm 2015, nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu là đương nhiên và bắt buộc. Sự “thỏa thuận” ở đây là thỏa thuận cụ thể về số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm cung cấp nguyên vật liệu. Còn trong Bộ luật Dân sự năm 2005, nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu không là đương nhiên và còn có thể lựa chọn thỏa thuận khác. Ví dụ, các bên

có thể thỏa thuận rằng bên nhận gia công có nghĩa vụ cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu, khi đó, bên đặt gia công chỉ có nghĩa vụ chỉ dẫn và nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, cách quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015 đã loại trừ trường hợp toàn bộ nguyên vật liệu được cung cấp từ bên nhận gia công và bên đặt gia công ít nhiều cũng phải cung cấp một phần nguyên vật liệu. Khi đó, quy định này sẽ vẫn thể hiện được tự tưởng lập pháp theo hướng tôn trọng quyền tự do thỏa thuận của các bên đồng thời phù hợp hơn với bản chất của hợp đồng gia công và thực tiễn hoạt động gia công hiện nay.

Thứ hai, quy định về nghĩa vụ của bên nhận gia công. Theo đó, bổ sung thêm cụm từ **“biết hoặc phải biết”** vào quy định tại khoản 2 điều 551 Bộ luật Dân sự năm 2005 để thành quy định mới tại khoản 2 điều 546 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc bổ sung này xác định nghĩa vụ của bên nhận gia công là phải “báo cho bên đặt gia công biết để đổi nguyên vật liệu khác, nếu nguyên vật liệu không bảo đảm chất lượng; từ chối thực hiện gia công, nếu **biết hoặc phải biết** việc sử dụng nguyên vật liệu có thể tạo ra sản phẩm nguy hại cho xã hội”. Vì thế, bên nhận gia công sẽ không phải chịu trách nhiệm trong trường hợp không biết hoặc không thể biết việc sử dụng nguyên vật liệu có thể tạo ra sản phẩm gây nguy hại cho xã hội. Điều này là hoàn toàn hợp lý xuất phát từ bản chất của hợp đồng gia công là thực hiện việc gia công theo chỉ dẫn của bên đặt gia công và trong nhiều trường hợp, không thể biết được việc gia công này tạo ra sản phẩm nhằm mục đích gì, có gây nguy hại cho xã hội hay không. Dĩ nhiên, tiêu chí **“biết hoặc phải biết”** này không đơn giản để xác định nếu không có những minh chứng cụ thể. Minh chứng này có thể là việc các bên đã cho nhau biết trước về mục đích sử dụng sản phẩm gia công hoặc có thông tin rõ ràng về mục đích sử dụng sản phẩm này hoặc thông thường xác định được mục đích này. Tất nhiên, việc nhận biết mục đích sử dụng thông thường của sản phẩm gia công không phải áp dụng đối với một người bất kỳ có trí lực bình thường trong cùng hoàn cảnh. Người để xác định mục đích sử dụng thông thường của sản phẩm phải người cùng ngành nghề có trình độ trung bình trong cùng hoàn cảnh. Điều này cũng lý giải tại sao chỉ thêm nội dung **“biết hoặc phải biết”** việc sử dụng nguyên vật liệu gây nguy hại cho xã hội chứ không thêm nội dung **“biết hoặc phải biết”** việc nguyên vật liệu không đảm bảo chất lượng. Bởi bên nhận gia công phải có những trình độ và kinh nghiệm nhất định trong nghề nghiệp của mình để xác định được nguyên vật liệu là có đảm bảo hay không. Nên bên nhận

gia công sẽ không thể chối bỏ trách nhiệm đối với sản phẩm khi không thông báo nguyên vật liệu không đảm bảo với lý do “tôi không biết hoặc không thể biết nguyên vật liệu không bảo đảm chất lượng”.

Hơn nữa, khi quy định về nghĩa vụ thông báo đối nguyên vật liệu không đảm bảo chất lượng hoặc từ chối sử dụng nguyên vật liệu có khả năng gây nguy hại cho xã hội, Bộ luật Dân sự năm 2005 có đề cập vấn đề trách nhiệm của bên nhận gia công khi không thực hiện nghĩa vụ qua cụm từ **“trường hợp không báo hoặc không từ chối thì phải chịu trách nhiệm về sản phẩm tạo ra”**. Tuy nhiên, tại khoản 2 điều 546 Bộ luật Dân sự năm 2015, nhà làm luật đã bỏ đi cụm từ trên. Việc bỏ đi này tránh dài dòng và chồng chéo lên quy định tại khoản 5 điều 546 về nghĩa vụ “chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, trừ trường hợp sản phẩm không bảo đảm chất lượng do nguyên vật liệu mà bên đặt gia công cung cấp”. Hơn nữa, bản thân điều 546 quy định về nghĩa vụ của bên nhận gia công phải thực hiện, nên nếu không thực hiện thì hiển nhiên bên nhận gia công phải chịu trách nhiệm. Việc quy định thêm trường hợp không thực hiện nghĩa vụ là không cần thiết nên việc thay đổi trong Bộ luật mới là phù hợp.

Thứ ba, quy định về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công. Về nội dung, quy định này không có thay đổi mà được kết cấu lại so với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005. Cụ thể, khoản 1 và khoản 2 điều 551 Bộ luật Dân sự năm 2015 được tách ra từ khoản 1 điều 556 Bộ luật Dân sự năm 2005 để làm rõ điều kiện đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công và hậu quả pháp lý đối với bên đơn phương chấm dứt hợp đồng gia công.

Về điều kiện đơn phương chấm dứt hợp đồng gia công, theo khoản 1 điều 551 Bộ luật Dân sự năm 2015: “mỗi bên đều có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công, nếu việc tiếp tục thực hiện hợp đồng không mang lại lợi ích cho mình, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, nhưng phải báo cho bên kia biết trước một thời gian hợp lý”. Như vậy, quy định trên dường như tạo điều kiện “dễ dàng” cho một bên có thể đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng. Việc “tiếp tục thực hiện hợp đồng không mang lại lợi ích cho mình” là hết sức mơ hồ và không rõ ràng. “Lợi ích” được nhắc đến ở đây là lợi ích gì, lợi ích vật chất hay tinh thần, lợi ích kinh tế hay lợi ích khác?

Nếu đối chiếu quy định này với quy định tại Điều 428 về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 sẽ thấy điều kiện đơn phương

chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công “đơn giản” hơn nhiều. Cụ thể, điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định điều kiện đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng là: “Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Khi đó, với hợp đồng thông thường, một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng nếu bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng. Trong đó, vi phạm nghiêm trọng được hiểu là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng⁴. Đối với hợp đồng gia công, một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng nếu thấy hợp đồng đó không mang lại lợi ích cho mình. Việc quy định như vậy là quá dễ dàng cho việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công từ một bên và không thống nhất với quy định chung về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công theo điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng như với quy định tại khoản 2 điều 545 về quyền của bên đặt gia công. Tóm lại, quy định về điều kiện đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công theo khoản 1 điều 551 là chưa hợp lý, điều kiện này nên là những điều kiện đặc thù riêng có đối với hợp đồng gia công – một loại hợp đồng cụ thể. Ví dụ, quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công khi một bên chậm giao nguyên vật liệu hay chậm giao sản phẩm.

Về hậu quả pháp lý đối với bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công, khoản 2 điều 551 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “bên đặt gia công đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì phải trả tiền công tương ứng với công việc đã làm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bên nhận gia công đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì không được trả tiền công, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Hậu quả pháp lý này chỉ phù hợp khi bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng là bên có lỗi hoặc tự ý chấm dứt hợp đồng, chứ chưa phù hợp với trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng vì nguyên nhân từ bên kia. Ví dụ, bên nhận gia công đã rất nhiều lần không thực hiện theo đúng chỉ dẫn của bên đặt gia công nên khi bên đặt gia công tuyên bố đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì họ có phải trả tiền công tương ứng với công việc đã làm không? Hơn nữa, khoản 3 điều 551 cũng quy định “bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên kia thì phải

⁴ Khoản 2 điều 423 Bộ luật dân sự năm 2015

bồi thường”. Quy định này chưa đề cập đến bên vi phạm hay lỗi từ phía nào đã xác định trách nhiệm bồi thường. Quy định này chỉ phù hợp khi bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng là chấm dứt trái pháp luật.

Tóm lại, chế định về hợp đồng gia công trong Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có một số điểm mới, nhưng về cơ bản vẫn là sự kế thừa từ Bộ luật Dân sự năm 2005. Những quy định này đã đáp ứng được yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh từ hoạt động gia công trong đời sống nhưng cũng còn tồn tại nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Vì vậy, bài viết này bên cạnh việc làm rõ những vấn đề cơ bản về hợp đồng gia công, đã liệt kê, phân tích những điểm mới về chế định hợp đồng gia công trong Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời chỉ ra một số vấn đề còn tồn tại để tiếp tục được khắc phục và áp dụng phù hợp trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Thông tin tư vấn pháp luật và Bồi dưỡng nghiệp vụ, 2009, *Cẩm nang pháp luật kinh doanh dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tập II: Pháp luật về hợp đồng và cơ chế giải quyết trong kinh doanh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Mạnh Bách, 1997, *Luật Dân sự Việt Nam lược giải các hợp đồng dân sự thông dụng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đỗ Văn Đại, 2016, *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb Hồng Đức, TP. HCM.
4. Nguyễn Ngọc Điện, 2001, *Bình luận các hợp đồng thông dụng trong luật dân sự Việt Nam*, NXB Trẻ TP. HCM, TP. HCM.
5. Trương Anh Tuấn, 2009, *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
6. LS. Trương Thanh Đức, 2012, *Bình luận chế định hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2005*, Thông tin pháp luật dân sự, <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2012/06/09/9-6-2012/>, truy cập ngày 10/6/2016.
7. TS Vũ Quang Việt, *Bàn luận về nền kinh tế gia công ở Việt Nam*, Thông tin pháp luật dân sự, <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2009/05/05/2824/>, truy cập ngày 22/08/2014.